



Ireland



Australian
Aid



CEPEW
Trung tâm Thúc đẩy giáo dục
và Nâng cao năng lực phụ nữ



TÓM TẮT BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ VÒNG 3 VIỆC CÔNG KHAI THÔNG TIN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN VÀ BẢNG GIÁ ĐẤT CẤP TỈNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ NĂM 2023

TRONG CHUỖI “NGHIÊN CỨU THỰC CHỨNG THƯỜNG NIÊN VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐẤT ĐAI Ở VIỆT NAM” DO CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HIỆP QUỐC (UNDP) TẠI VIỆT NAM, CÔNG TY PHÂN TÍCH THỜI GIAN THỰC (RTA) VÀ TRUNG TÂM THÚC ĐẨY GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC PHỤ NỮ (CEPEW) PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

Giới thiệu

Sáng kiến “Nghiên cứu thực chứng hướng tới thúc đẩy việc tiếp cận thông tin đất đai của người dân” do UNDP tại Việt Nam, CEPEW và RTA thực hiện từ tháng 7/2021 trong bối cảnh tranh chấp đất đai vẫn tiếp tục là một vấn đề nóng tại Việt Nam.¹ Kết quả của hai vòng đánh giá cho thấy, hoạt động công khai thông tin đất đai bao gồm bảng giá đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) cấp huyện hàng năm đã dần có những cải thiện, tuy nhiên tốc độ cải thiện vẫn còn chậm. So sánh kết quả giữa hai vòng đánh giá cho thấy, tỷ lệ công khai chỉ tăng 22,2% đối với bảng giá đất cấp tỉnh, 7,3% đối với QHSDĐ cấp huyện và tỷ lệ không phản hồi các yêu cầu cung cấp thông tin vẫn ở mức cao, 71,7% ở lần đánh giá thứ nhất và 74% ở lần đánh giá thứ hai. Hoạt động công khai thông tin đất đai trên các cổng/trang TTĐT của các cơ quan nhà nước ở địa phương chậm cải thiện có thể là một trong những nhân tố khiến cho tỷ lệ người dân biết đến kế hoạch sử dụng đất ở địa phương vẫn ở mức thấp, tương ứng 28,5%.²

Tiếp nối kết quả đánh giá vòng một và vòng hai, Nhóm nghiên cứu thực hiện đánh giá vòng ba trong bối cảnh Dự thảo Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi được thảo luận, chỉnh sửa để Quốc hội thông qua và Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 đã chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023. Bên cạnh đó, với xu hướng chuyển đổi số, đánh giá vòng ba tiếp tục hướng tới việc hỗ trợ các tỉnh, thành phố trên cả nước tăng cường khả năng tiếp cận thông tin đất đai của công dân trên môi trường mạng, từ đó góp phần giảm thiểu xung đột và cải thiện quản trị đất đai.

Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu có 04 mục tiêu cụ thể như sau: (i) Rà soát việc công khai thông tin QHSDĐ cấp huyện, KHSDĐ cấp huyện và bảng giá đất cấp tỉnh thuộc 63 tỉnh, thành phố trên cả nước; (ii) Thiết lập và duy trì cổng thông tin kết nối các đường dẫn thông tin QHSDĐ, KHSDĐ và bảng giá đất do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện trên cả nước công khai; (iii) Thử nghiệm gửi thư yêu cầu cung cấp thông tin đất đai theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin (TCTT) năm 2016 và Luật Đất đai năm 2013; (iv) Xây dựng các khuyến nghị nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thông tin đất đai của người dân cả trên môi trường trực tuyến và ngoại tuyến.

Phương pháp nghiên cứu

Rà soát việc công khai thông tin QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021-2030, KHSDĐ cấp huyện năm 2023 và bảng giá đất cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 trên cổng TTĐT

Việc rà soát công khai các thông tin đất đai được thực hiện như sau: 10 cộng tác viên nghiên cứu đồng thời tìm kiếm thông tin bảng giá đất cấp tỉnh giai đoạn 2020-2024 trên cổng TTĐT của toàn bộ 63 UBND tỉnh, thành phố (cơ quan tạo ra thông tin³ và có nghĩa vụ công khai thông tin bảng giá đất⁴) cũng như QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và KHSDĐ cấp huyện năm 2023 trên trang TTĐT của toàn bộ 705 UBND cấp huyện trên toàn quốc (cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin⁵).

1 Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc và Đại sứ quán Ai-len tại Việt Nam đồng tài trợ cho nghiên cứu này qua Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam.

2 CECODES, CFF-CRT, RTA & UNDP (2023). Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2022: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân, <<https://papi.org.vn/bao-cao/>>

3 Khoản 2 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: “Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.”

4 Khoản 1, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013

5 Điểm a, Khoản 2, Điều 48 Luật Đất đai năm 2013

Bước tìm thấy văn bản là bước tìm kiếm được ghi nhận. Để đảm bảo tính tiếp nối với nghiên cứu vòng thứ nhất và vòng thứ hai, Nhóm nghiên cứu chỉ rà soát và công nhận các tài liệu đã đăng tải trên cổng TTĐT của các cơ quan này tính đến ngày **06/10/2023**.

Để đánh giá việc công khai 03 loại thông tin trên, Nhóm nghiên cứu áp dụng 05 tiêu chí đã được xây dựng từ đánh giá vòng thứ nhất, gồm: (i) Công khai thông tin; (ii) Khả năng tìm kiếm thông tin; (iii) Tính kịp thời của thông tin; (iv) Tính đầy đủ của thông tin (đối với QHSDĐ cấp huyện và KHSDĐ cấp huyện); và (v) Khả năng sử dụng thông tin (dễ đọc, dễ hiểu, đọc được bằng các phần mềm thông dụng và có thể xem trực tuyến).

Thử nghiệm gửi thư yêu cầu cung cấp thông tin KHSDĐ cấp huyện

Tiếp nối nghiên cứu vòng thứ nhất và vòng thứ hai, Nhóm nghiên cứu đã thử nghiệm gửi 561 thư yêu cầu cung cấp thông tin tới 561 văn phòng UBND cấp huyện được lựa chọn. Cụ thể, 705 huyện, thị trên cả nước được chia ngẫu nhiên thành 05 nhóm, bao gồm Nhóm 1 (nhóm đối chứng, không nhận được YCCCTT), Nhóm 2 (nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ người dân), Nhóm 3 (nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà kinh doanh bất động sản), Nhóm 4 (nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà nghiên cứu), Nhóm 5 (nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ luật sư).

Đối với mỗi nhóm cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, Nhóm nghiên cứu tiếp tục chia thành 02 nhóm nhỏ gồm: (1) Nhóm có trích dẫn Luật TCTT năm 2016 và (2) Nhóm có trích dẫn Luật Đất đai năm 2013. Thử nghiệm gửi thư được tiến hành từ ngày **31/10/2023** tới ngày **31/12/2023**.

Thiết kế và duy trì trang công khai thông tin đất đai

Trang <https://congkhaithongtindatdai.info> được thiết kế và xây dựng ở vòng đánh giá thứ nhất và hoàn thiện ở vòng đánh giá thứ hai tiếp tục được duy trì để trở thành địa chỉ chia sẻ một cách có hệ thống kết quả nghiên cứu hàng năm tới các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu cũng như là cầu nối với người dân có nhu cầu tìm kiếm các loại thông tin đất đai trong phạm vi nghiên cứu đã được chính quyền địa phương công khai một cách chính thức. Người truy cập trang có thể để lại đánh giá cá nhân về mức độ công khai thông tin của các cổng TTĐT, đồng thời báo cáo phản hồi trong trường hợp đường link truy cập bài đăng công khai không còn hoạt động.

Kết quả nghiên cứu chính

Quy định pháp luật liên quan đến công khai và cung cấp thông tin đất đai theo yêu cầu

- Tiếp cận thông tin đất đai theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

Luật này⁶ quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra trừ trường hợp thông tin công dân không được tiếp cận⁷ và trường hợp thông tin tiếp cận có điều kiện chỉ được cung cấp khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.⁸ Song song với trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, Luật TCTT cũng quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước trừ thông tin không được tiếp cận (quy định tại Điều 6 Luật TCTT) và thông tin được tiếp cận có điều kiện (quy định tại Điều 7 Luật TCTT).⁹

6 Toàn văn Luật TCTT năm 2016 đăng tải tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-tiep-can-thong-tin-2016-280116.aspx>

7 Thông tin công dân không được tiếp cận được quy định tại Điều 6 Luật TCTT năm 2016

8 Khoản 1 Điều 9 Luật TCTT năm 2016

9 Điều 5 Luật TCTT năm 2016

Ngoài ra, công dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Chương III của Luật TCTT trong một số trường hợp¹⁰ bằng cách trực tiếp tới trụ sở¹¹ hoặc gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.¹² Về chi phí tiếp cận thông tin, Luật TCTT quy định công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí trừ trường hợp luật khác có quy định.¹³ Tuy nhiên, người yêu cầu cung cấp thông tin có thể phải trả chi phí thực tế in, sao, chụp, gửi thông tin,¹⁴ mức chi phí này được quy định chi tiết tại Thông tư 46/2018/TT-BTC.¹⁵

- **Tiếp cận thông tin đất đai theo quy định của pháp luật đất đai**

Quyền tiếp cận thông tin đất đai cũng được nhắc tới trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về đất đai. Theo Luật đất đai năm 2013 và những VBQPPL có liên quan, cá nhân và tổ chức có quyền tiếp cận thông tin đất đai thông qua: (i) hệ thống thông tin đất đai, trong đó thông tin được các cơ quan nhà nước chủ động công bố, công khai kịp thời¹⁶ và (ii) mạng internet, cổng thông tin đất đai, dịch vụ tin nhắn SMS¹⁷ cũng như qua các thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Thông tư 34/2014/TT-BTNMT.¹⁸

Đặc biệt, quyền tiếp cận thông tin đất đai của công dân được quy định riêng tại Điều 24 Luật Đất đai năm 2024. Cụ thể, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt¹⁹ cũng như bảng giá đất đã được công bố²⁰ đều là các thông tin công dân có quyền tiếp cận. Đồng thời Điều 24 cũng trực tiếp dẫn chiếu pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định pháp luật khác có liên quan như là căn cứ áp dụng đối với việc tiếp cận thông tin đất đai.²¹

Bảng giá đất đầu tiên áp dụng theo Luật Đất đai năm 2024 sẽ được công bố vào ngày 1/1/2026. Hằng năm, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cấp tỉnh để quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 1/1 của năm tiếp theo.

Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt phải được công khai. UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng TTĐT của UBND cấp huyện và công khai nội dung QHSDĐ cấp huyện, KHSDĐ hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở UBND cấp xã.²² Thời điểm phải công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.²³

10 (a) Thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai; (b) Thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; (c) Thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được; (d) Thông tin tiếp cận có điều kiện nếu đáp ứng các điều kiện; (e) Thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và Khoản 2 Điều 23 Luật TCTT năm 2016

11 Điểm a, Khoản 2, Điều 24 Luật TCTT năm 2016

12 Điểm b, Khoản 1 Điều 24 Luật TCTT năm 2016

13 Khoản 1 Điều 12 Luật TCTT năm 2016

14 Khoản 2 Điều 12 Luật TCTT năm 2016

15 Thông tư 46/2018/TT-BTC quy định chi tiết chi phí thực tế in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Luật TCTT năm 2016

16 Khoản 2, Điều 28 Luật Đất đai năm 2013

17 Khoản 1 Điều 9 Thông tư 34/2014/TT-BTNMT

18 Khoản 2 Điều 9 Thông tư 34/2014/TT-BTNMT

19 Điểm a Khoản 1 Điều 24 Luật Đất đai năm 2024

20 Điểm d Khoản 1 Điều 24 Luật Đất đai năm 2024

21 Khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 2024

22 Điểm c Khoản 3 Điều 75 Luật Đất đai năm 2024

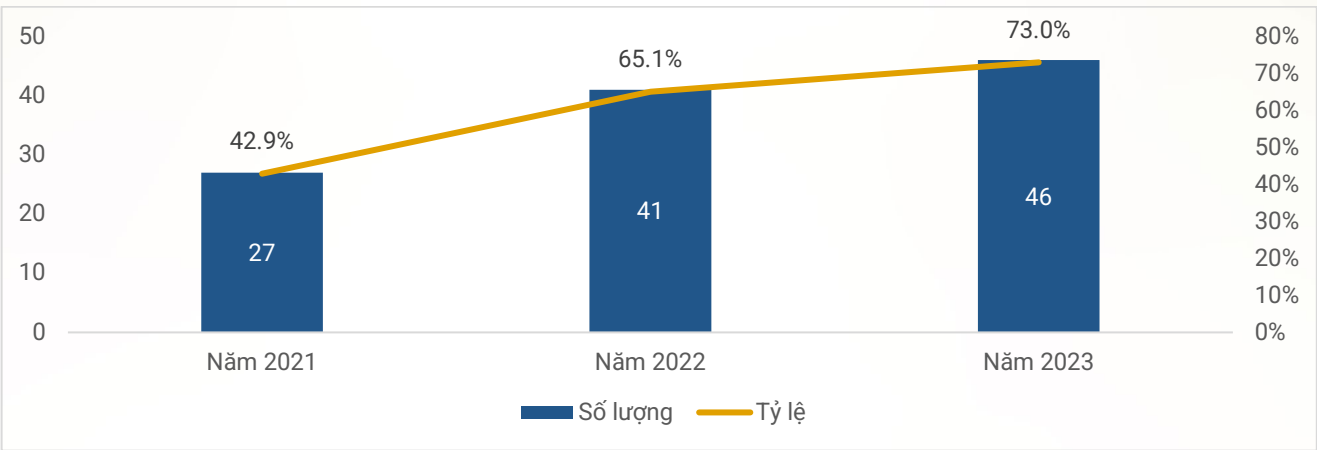
23 Điểm a Khoản 4 Điều 75 Luật Đất đai năm 2024

Về thời hạn, những tài liệu này phải được công khai trong suốt thời kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.²⁴ Tuy nhiên, quy định về thời hạn công khai này chưa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số khi hạ tầng công nghệ số có thể trở thành nơi lưu trữ lâu dài những thông tin đã được công khai. Với cách làm này, người dân có thể tự tìm kiếm những thông tin đã được công khai vào bất kỳ thời điểm nào thay vì phải tiến hành các thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin đã hết thời hạn công bố công khai.

Thực trạng công khai thông tin đất đai trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước

- Thực hiện công khai thông tin bảng giá đất cấp tỉnh giai đoạn 2020-2024

Hình 1 cho thấy, việc công khai bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên cổng TTĐT của UBND cấp tỉnh đã có nhiều cải thiện, thể hiện số bài đăng công khai đều tăng lên qua các lần đánh giá. Ở vòng đánh giá thứ nhất chỉ tìm thấy hồ sơ trên 27 cổng TTĐT (42,9%) nhưng ở vòng đánh giá thứ hai và thứ ba lần lượt là 41 (65,1%) và 46 (73%). Trong số 46 hồ sơ bảng giá đất cấp tỉnh đã được đăng tải ở vòng đánh giá thứ ba, có 44 bài đăng công khai quyết định ban hành bảng giá đất của UBND cấp tỉnh (95,7%)²⁵ và 2 bài đăng công khai nghị quyết thông qua bảng giá đất của hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh (4,3%).



Hình 1: So sánh việc công khai bảng giá đất cấp tỉnh giữa ba vòng đánh giá

Bên cạnh đó, Nhóm nghiên cứu nhận thấy những hạn chế nhất định về mặt kỹ thuật có thể là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ công khai bảng giá đất cấp tỉnh trên cổng TTĐT của UBND cấp tỉnh tăng chậm giữa vòng đánh giá thứ hai và thứ ba. Cụ thể, một số bảng giá đất cấp tỉnh đã được ghi nhận có công khai trên cổng TTĐT ở vòng đánh giá thứ hai (năm 2022), nhưng không còn được ghi nhận ở vòng đánh giá thứ ba (năm 2023) do bài đăng công khai và đường link của các bài đăng ghi nhận năm 2022 không còn hoạt động.

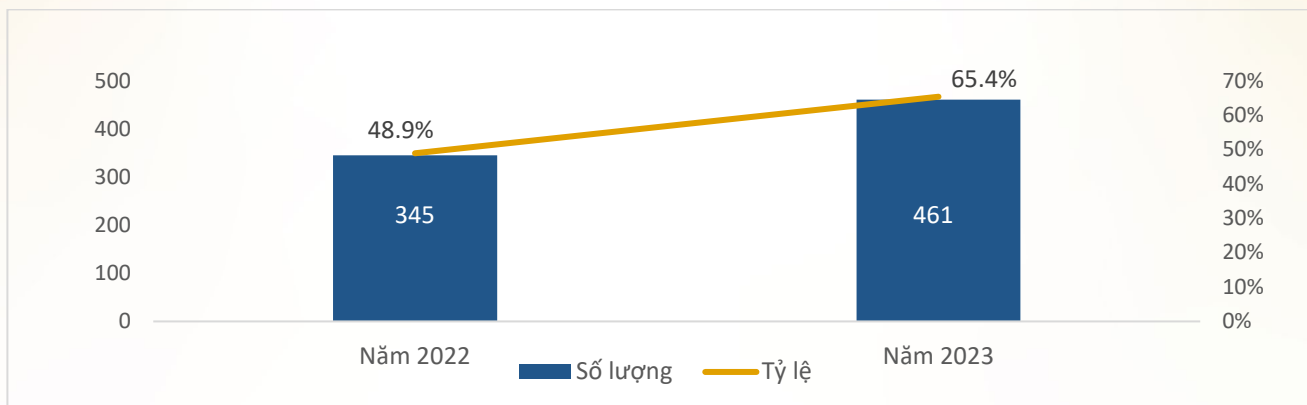
Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là bảng giá đất cấp tỉnh giai đoạn 2020-2024 đã được áp dụng gần bốn năm và theo quy định sẽ được áp dụng đến hết ngày 31/12/2024. Trong khi đó, tỷ lệ công khai trên cổng TTĐT của UBND các tỉnh, thành phố trên cả nước tính đến ngày 06/10/2023 chỉ đạt 73%. Điều này cho thấy, việc thực hiện công khai bảng giá đất trên cổng TTĐT vẫn chưa đảm bảo tính kịp thời theo quy định của pháp luật về đất đai. Theo đó, Luật Đất đai năm 2013 yêu cầu việc công khai bảng giá đất cấp tỉnh phải được thực hiện vào ngày 01/01 của năm đầu kỳ. Trong trường hợp này là ngày 01/01/2020.

24 Điểm b Khoản 4 Điều 75 Luật Đất đai năm 2024

25 Tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Lào Cai, tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu, tỉnh Sơn La, tỉnh Yên Bái, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Bình Định, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Kon Tum, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Phước, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Long An, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

- Thực hiện công khai Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030

Việc đánh giá công khai QHSDĐ cấp huyện chỉ bắt đầu được thực hiện ở vòng đánh giá thứ hai. Hình 2 cho thấy việc công khai QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 cũng có sự cải thiện. Trong năm 2022, Nhóm nghiên cứu chỉ tìm thấy hồ sơ QHSDĐ trên 345 trang TTĐT của UBND cấp huyện trong số 705 UBND huyện, thị trên toàn quốc được rà soát (48,9%). Tuy nhiên ở vòng đánh giá thứ ba vào năm 2023, Nhóm nghiên cứu tìm thấy loại hồ sơ này trên 461 trang TTĐT trong số 705 UBND được rà soát (65,4%). So với kết quả đánh giá vòng thứ hai, tỷ lệ hồ sơ được tìm thấy ở vòng đánh giá thứ ba tăng 16,5% (tương đương tăng 116 hồ sơ).



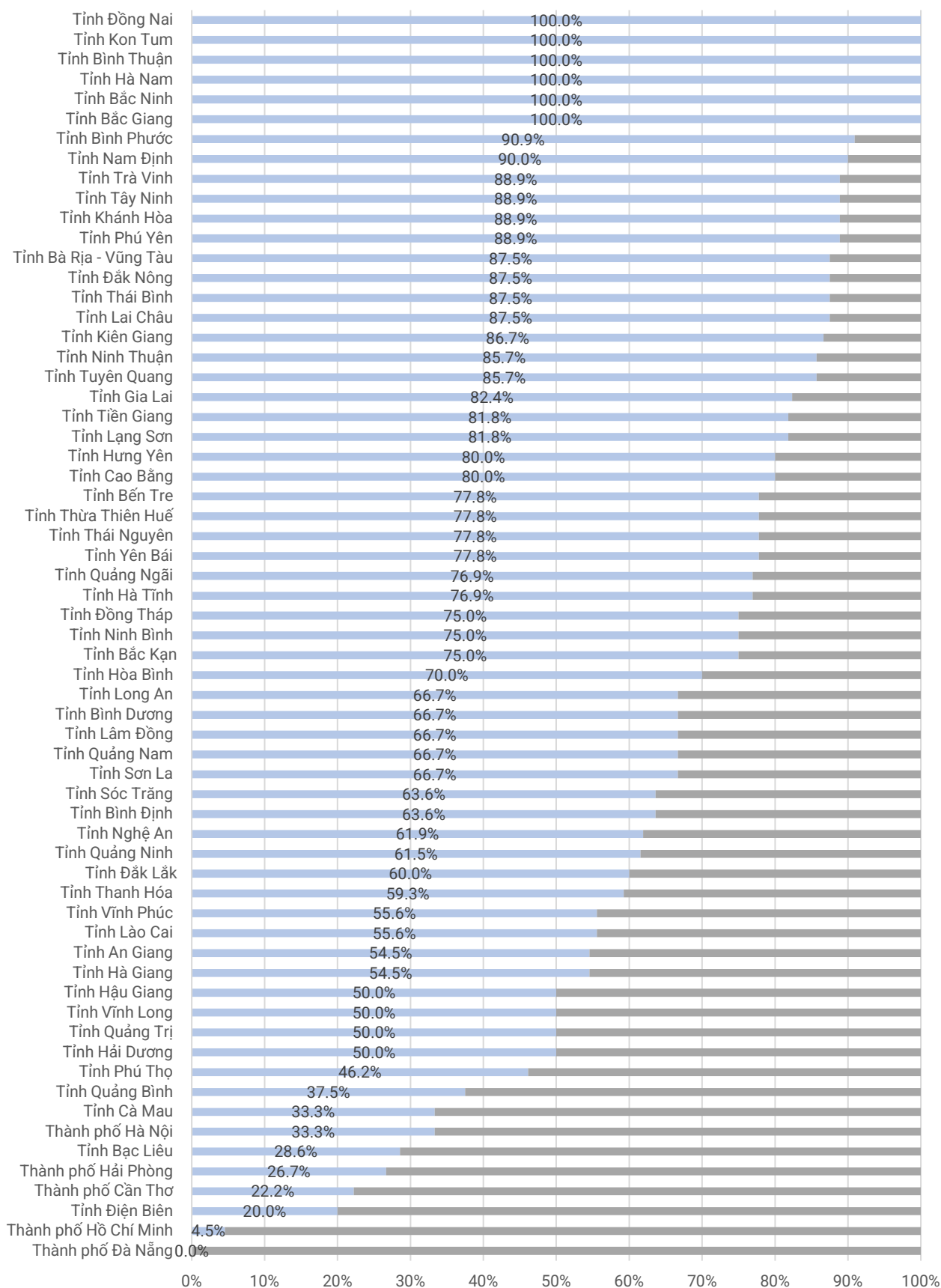
Hình 2: Tình hình công khai thông tin QHSDĐ thời kỳ 2021-2030 trên các cổng/trang TTĐT của UBND cấp huyện trên cả nước qua hai vòng đánh giá

Hình 3 thể hiện sự so sánh về tỷ lệ các đơn vị cấp huyện trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố trên cả nước đã công khai QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030. Theo đó, các tỉnh Đồng Nai, Kon Tum, Bình Thuận, Hà Nam, Bắc Ninh và Bắc Giang có 100% UBND cấp huyện đã đăng tải công khai hồ sơ này trên trang TTĐT của mình. Tuy nhiên, cả năm thành phố trực thuộc Trung ương đều có tỷ lệ UBND cấp huyện đăng tải thấp. Đặc biệt Nhóm nghiên cứu không tìm thấy loại hồ sơ này trên tất cả trang TTĐT của UBND các quận, huyện trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

Về khả năng tìm kiếm thông tin, có 289 trong số 461 hồ sơ công khai QHSDĐ cấp huyện được tìm thấy tại bước 1 (62,7%), 107/461 hồ sơ được tìm thấy tại bước 2 (23,2%), 45/461 hồ sơ được tìm thấy tại bước 3 (9,8%) và 20/461 hồ sơ tìm thấy tại bước 4 (4,3%). So với kết quả đánh giá vòng thứ (năm 2022), tăng 96 hồ sơ được tìm thấy tại bước 1 và tăng 37 hồ sơ được tìm thấy tại bước 2. Đồng thời, lần lượt giảm 8 hồ sơ và 9 hồ sơ được tìm thấy tại bước 3 và bước 4. Điều này cho thấy, việc tìm kiếm hồ sơ công khai QHSDĐ cấp huyện đã thuận lợi hơn khi nhiều hồ sơ được đăng tải trong các chuyên mục liên quan trực tiếp tới đất đai (bước 1).

Về tính kịp thời của thông tin, có 147/461 hồ sơ được công khai trong vòng 15 ngày kể từ ngày ban hành (31,9%), 166/461 hồ sơ công khai sau 15 ngày kể từ ngày được ban hành (36%) và 148/461 hồ sơ không xác định được ngày ban hành hoặc ngày đăng tải (32,1%). So với kết quả rà soát năm 2022, tăng 42 hồ sơ được đăng tải đúng thời hạn, tăng 50 hồ sơ được xác định đăng tải không đúng thời hạn và tăng 24 hồ sơ không xác định được ngày ban hành hoặc ngày đăng tải.

Về tính đầy đủ của thông tin, có 250/461 hồ sơ đã công khai đầy đủ cả 03 loại văn bản bắt buộc phải công khai gồm quyết định phê duyệt, báo cáo thuyết minh tổng hợp (BCTM) và bản đồ (54,2%), có 19/461 hồ sơ chỉ công khai quyết định phê duyệt và BCTM (4,1%), có 70/461 hồ sơ chỉ công khai quyết định phê duyệt và bản đồ (15,2%), có 26/461 hồ sơ chỉ công khai BCTM và bản đồ (5,6%) và có 96/461 hồ sơ chỉ công khai duy nhất một trong ba văn bản bắt buộc công khai (20,8%). So với đánh giá vòng thứ hai, đã tăng 79 hồ sơ được công khai với đầy đủ cả ba văn bản bắt buộc trên các trang TTĐT.

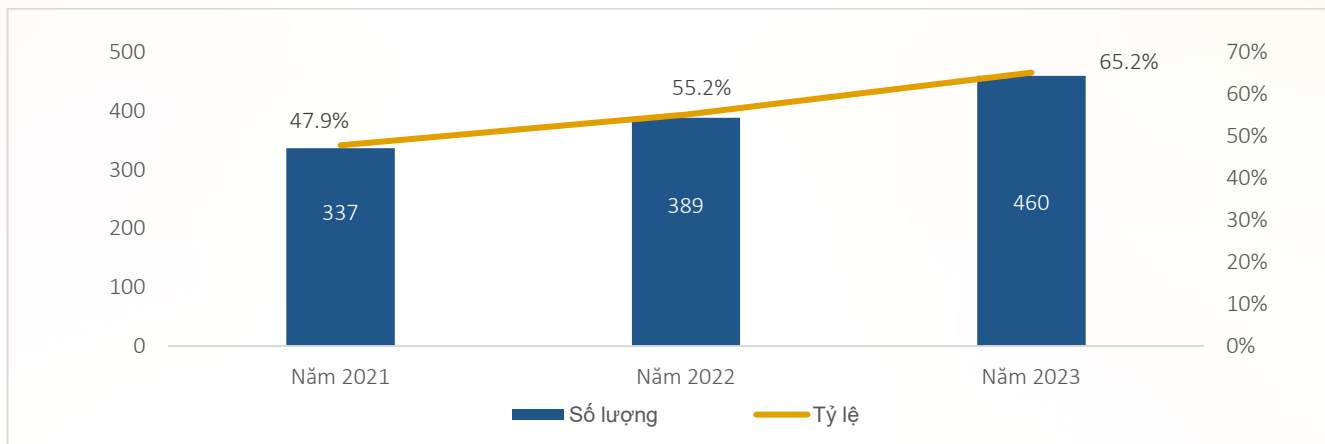


Hình 3: Tỷ lệ UBND cấp huyện trong một tỉnh đã có bài đăng công khai thông tin QHSDD cấp huyện trên các trang TTĐT

Về khả năng sử dụng thông tin, hồ sơ công khai được tìm thấy đa phần là bản mềm hoặc được quét và đăng tải rõ nét, có thể sử dụng. Tuy nhiên tương tự như vòng đánh giá thứ hai, vẫn còn hồ sơ đăng tải dưới dạng tập tin nén và phải tải về mới xem được²⁶ hoặc nhiều trường hợp báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng tải công khai có định dạng doc hoặc pdf nhưng không có dấu và chữ ký.²⁷ Nhóm nghiên cứu vẫn tìm thấy bản đồ có định dạng dng không phổ biến với người dùng phổ thông.

Thực hiện công khai Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023

Tương tự như việc công khai bảng giá đất cấp tỉnh và QHSDĐ cấp huyện, tỷ lệ các hồ sơ KHSDĐ cấp huyện hàng năm được tìm thấy trên các trang TTĐT của UBND cấp huyện cũng tăng lên sau từng vòng đánh giá (Hình 4). Theo đó, Nhóm nghiên cứu chỉ tìm thấy KHSDĐ cấp huyện năm 2021 trên trang TTĐT của 337 UBND huyện ở vòng đánh giá thứ nhất (47,9%). Ở vòng đánh giá thứ hai, KHSDĐ cấp huyện năm 2022 được tìm thấy trên trang TTĐT của 389 UBND huyện (55,2%). Và ở vòng đánh giá thứ ba, KHSDĐ cấp huyện năm 2023 được tìm thấy trên trang TTĐT của 460 UBND huyện (65,2%). Cụ thể, ở vòng đánh giá thứ ba, tỷ lệ cơ quan nhà nước công khai KHSDĐ hàng năm đã tăng 17,3% so với đánh giá vòng thứ nhất và tăng 10% so với đánh giá vòng thứ hai.

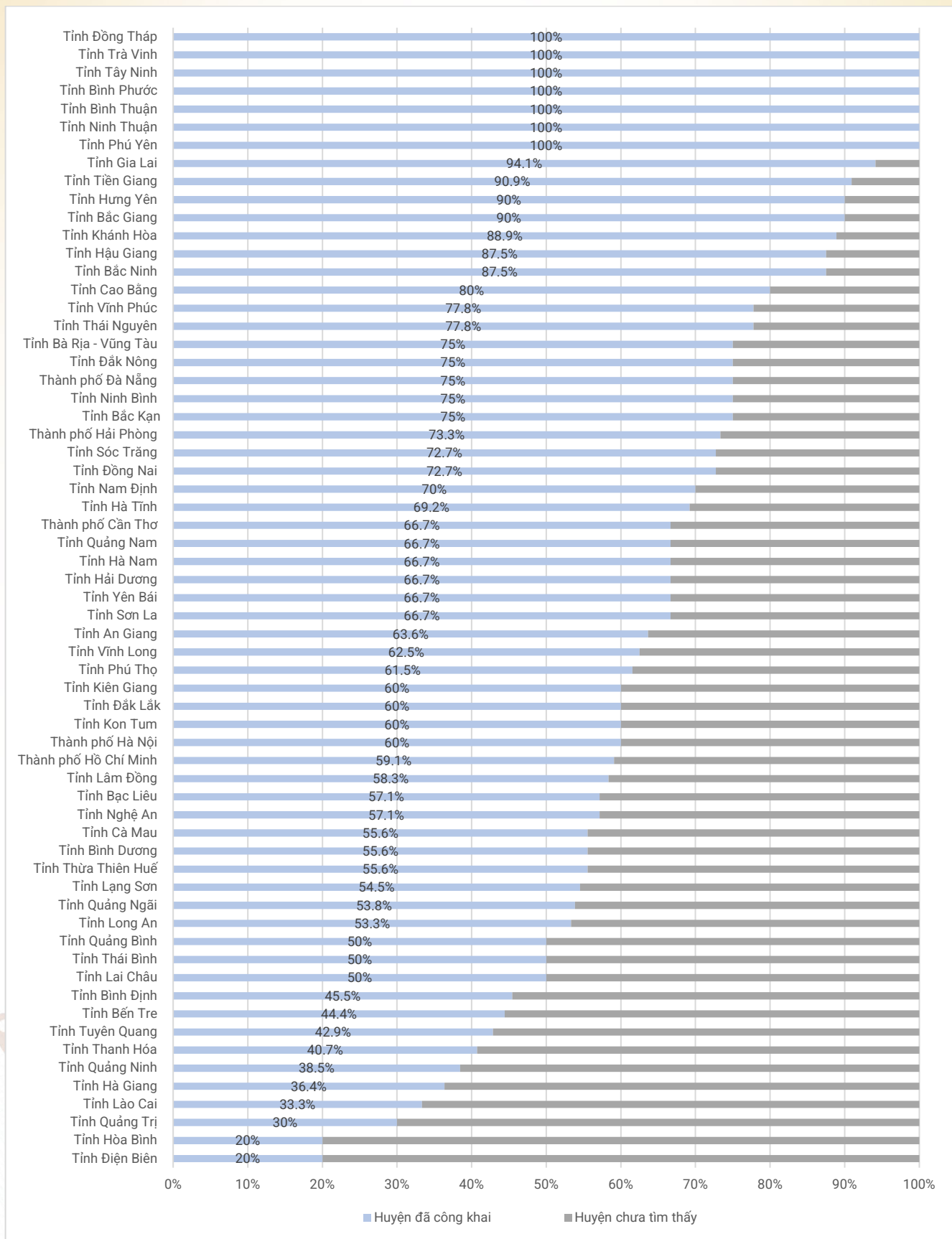


Hình 4: Tình hình công khai thông tin KHSDĐ cấp huyện hàng năm trên cổng/trang TTĐT của UBND cấp huyện

Hình 5 cho thấy, tỷ lệ UBND cấp huyện thuộc các tỉnh đã công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên cổng TTĐT của mình. Theo đó, bảy tỉnh gồm Đồng Tháp, Trà Vinh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Ninh Thuận và Phú Yên có 100% UBND các huyện, thị đã đăng tải công khai loại tài liệu này. Các tỉnh Hoà Bình và Điện Biên là các địa phương có tỷ lệ UBND cấp huyện đăng tải công khai loại tài liệu này thấp nhất, chỉ đạt 20%.

26 Ví dụ: UBND huyện Văn Lâm (<https://vanlam.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2022-6-28/Thong-bao-cong-bo-cong-khai-quy-hoach-su-dung-dat-fsjxvk.aspx>), truy cập ngày 02/11/2023; UBND huyện Hà Trung (<https://hatrung.thanhhoa.gov.vn/portal/pages/van-ban/v.aspx?uid=302>), truy cập ngày 30/10/2023; UBND huyện Thường Xuân (<https://thuongxuan.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2021-9-16/Cong-khai-Quy-hoach-su-dung-dat-den-nam-2030-va-Kehzd8vx.aspx>) truy cập ngày 02/11/2023; UBND huyện Kỳ Sơn (<https://kyson.nghean.gov.vn/thong-bao/tb-cong-bo-cong-khai-quy-hoach-su-dung-den-nam-2030-va-ke-hoach-su-dung-dat-nam-dau-cua-quy-hoac-538395>), truy cập ngày 13/11/2023; UBND thành phố Huế (<https://huecity.gov.vn/Quan-ly-su-dung-dat/pid/28846/cid/44?tid=THONG-BAO-Cong-bo-cong-khai-quy-hoach-su-dung-dat-giai-doan-2021-2030-va-tam-nhin-den-nam-2050-cua-thanh-pho-Hue-tinh-Thua-Thien-Hue.html>), truy cập ngày 04/11/2023; UBND huyện Phú Vang (<https://phuvang.thuathienhue.gov.vn/?gd=12&cn=766&tc=12953>), truy cập ngày 26/10/2023

27 Ví dụ: UBND huyện Gò Dầu (<https://godau.tayninh.gov.vn/vi/news/dat-dai/quyet-dinh-ve-viec-phe-duy-et-quy-ho-ch-sir-dung-tat-den-nom-2030-huyen-go-diu-tinh-tay-ninh-2240.html>), truy cập ngày 30/10/2023; UBND huyện Ninh Sơn (<https://ninhson.ninhthuan.gov.vn/portal/Pages/2023-10-12/cong-bo-cong-khai-Quy-hoach-su-dung-dat-thoi-ky-2053gijhr.aspx>), truy cập ngày 30/10/2023; UBND huyện An Dương (<http://www.haiphong.gov.vn:8888/Portal/Detail.aspx?Organization=HAD&MenuID=19944&ContentID=238312>), truy cập ngày 29/10/2023



Hình 5: Tỷ lệ UBND cấp huyện công khai thông tin KHSDĐ cấp huyện năm 2023 trên các trang TTĐT

Về khả năng tìm kiếm, có 305/460 hồ sơ KHSDĐ cấp huyện năm 2023 được tìm thấy tại bước 1 (66,3%), có 120/460 hồ sơ được tìm thấy bước 2 (26,1%), có 23/460 hồ sơ được tìm thấy tại bước 3 (5%) và có 12/460 hồ sơ được tìm thấy tại bước 4 (2,6%). So với kết quả rà soát việc công khai KHSDĐ năm 2022, khả năng tìm kiếm thông tin cũng đã có sự cải thiện khi lần lượt tăng 55 và 52 hồ sơ được tìm thấy tại bước 1 và bước 2, trong khi lần lượt giảm 17 và 19 hồ sơ được tìm thấy tại bước 3 và bước 4.

Về tính kịp thời của thông tin, có 105/460 hồ sơ được phê duyệt đúng thời hạn trước ngày 31/12/2022, trong đó, 32/460 hồ sơ đăng tải công khai đúng thời hạn (7%), 48/460 hồ sơ đăng tải sau 15 ngày kể từ ngày ban hành (10,4%) và 25 hồ sơ không xác định được ngày đăng tải (5,4%). Có 343/460 hồ sơ được phê duyệt từ ngày 31/12/2022 trở đi, trong đó 169/460 hồ sơ đăng tải trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành (36,7%), 93/460 hồ sơ đăng tải sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành (20,2%) và 81/460 hồ sơ không xác định được ngày đăng tải (17,6%). Đặc biệt, có 12/460 hồ sơ không xác định được ngày ban hành.

Về tính đầy đủ của thông tin, có 233/460 hồ sơ đăng tải đủ ba văn bản bắt buộc gồm quyết định phê duyệt, BCTM và bản đồ (50,7%), 23/460 hồ sơ chỉ đăng tải quyết định và báo cáo (5%), 70/460 hồ sơ chỉ đăng tải quyết định và bản đồ (15,2%), có 14/460 hồ sơ chỉ đăng tải báo cáo và bản đồ (3%) và có 120/460 hồ sơ chỉ đăng tải 01 trong 03 văn bản bắt buộc công khai (26,1%). So sánh với kết quả rà soát năm 2022 cho thấy, đã tăng 172 trang TTĐT đăng tải đầy đủ ba văn bản, tăng 13 trang TTĐT đăng tải quyết định và BCTM, tăng 37 trang TTĐT đăng tải quyết định và bản đồ hồ sơ và tăng 1 trang TTĐT đăng BCTM và bản đồ.

Về khả năng sử dụng thông tin, tương tự như QHSDĐ cấp huyện, các văn bản được đăng tải chủ yếu là bản mềm hoặc được quét và đăng tải rõ nét, có thể sử dụng. Tuy nhiên, tình trạng hồ sơ công khai được đăng tải là tệp tin nén nên phải tải về thiết bị vẫn còn khá phổ biến, gây bất tiện cho người sử dụng điện thoại để tiếp cận thông tin.²⁸ Bên cạnh đó, vẫn còn hiện tượng BCTM công khai có định dạng (doc) không có dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền,²⁹ bản đồ công khai có định dạng không phổ biến với người dùng phổ thông (dng)³⁰ hoặc hồ sơ bị chia làm hai tập tài liệu gây khó khăn trong việc theo dõi.³¹

28 Ví dụ: UBND huyện Thạch Thành, <https://thachthanh.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2023-8-3/Thong-bao-cong-bo-dieu-chinh-quy-hoach-su-dung-dat6y7knm.aspx>, truy cập ngày 30/10/2023; UBND thành phố Ninh Bình, <https://tpninhbinh.ninhbinh.gov.vn/thong-tin-chi-dao/ve-viec-cong-bo-cong-khai-ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-cua-thanh-pho-ninh-binh-tinh-ninh-binh-306869>, truy cập ngày 28/10/2023; UBND huyện Cẩm Khê, <https://camkhe.phutho.gov.vn/Chuyen-muc-tin/Chi-tiet-tin/t/cac-van-ban-lien-quan-den-ke-hoach-su-dung-dat-2023/title/15961/ctitle/3>, truy cập ngày 22/10/2023; UBND huyện Mai Châu, https://maichau.hoabinh.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2496:quya-t-a-nh-va-via-c-pha-duya-t-ka-hoa-ch-sa-da-ng-a-t-n-m-2023-ca-a-huya-n-mai-cha-u&catid=112&Itemid=654&lang=vi, truy cập ngày 23/10/2023; UBND huyện Mai Sơn, <https://maison.sonla.gov.vn/thong-bao-moi-hop/thong-bao-cong-bo-cong-khai-su-dung-dat-nam-2023-huyen-mai-son-tinh-son-la-665129>, truy cập ngày 30/11/2023; UBND huyện Si Ma Cai, <https://simacai.laocai.gov.vn/tin-tuc/thong-bao-ve-viec-cong-bo-cong-khai-ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-1173823>, truy cập ngày 30/10/2023; UBND huyện Hòn Đất, <https://hondat.kien Giang.gov.vn/trang/TinTuc/112/2784/Cong-bo-cong-khai-Ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-cua-huyen-Hon-Dat-tinh-Kien-Giang.html>, truy cập ngày 21/10/2023

29 Ví dụ: UBND huyện U Minh Thượng, <https://vbdh.camau.gov.vn/CNTVIC/UMINH/vbdh.nsf>, truy cập 01/11/2023; UBND huyện Mỹ Tú, <https://mytu.soctrang.gov.vn/huyenmytu/1304/33055/62395/361095/Quy%20ho%E1%BA%A1ch,%20k%E1%BA%BF%20ho%E1%BA%A1ch%20s%E1%BB%AD%20d%E1%BB%A5ng%20C4%91%E1%BA%A5t/cong-bo-ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023.aspx>, truy cập ngày 28/10/2023; UBND huyện Tân Châu, <https://tanchau.tayninh.gov.vn/vi/news/thong-bao/cong-bo-cong-khai-ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-huyen-tan-chau-tinh-tay-ninh-3673.html>, truy cập ngày 24/10/2023; UBND huyện Châu Thành, <https://chauthanh.tien Giang.gov.vn/chi-tiet-tin/?ke-hoach-ve-viec-phe-duyet-ke-hoach-su-dung-at-nam-2023-cua-huyen-chau-thanh/49355566>, truy cập ngày 24/10/2023; UBND huyện Bến Cát, <https://bencat.binhduong.gov.vn/cong-khai-thong-tin/ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-thi-xa-ben-cat>, truy cập ngày 30/10/2023; UBND thị xã Ba Đồn, <https://badon.quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/441011402277495019/1682407267559>, truy cập ngày 01/11/2023; UBND huyện Yên Mỹ, <https://yenmy.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-4-19/Thong-bao-cong-bo-cong-khai-noi-dung-ke-hoach-su-d0d6m96.aspx>, truy cập ngày 23/10/2023; UBND huyện Ngân Sơn, https://nganson.backan.gov.vn/index.php?com=tintuc.ct&id_news=1673, truy cập ngày 29/10/2023

30 Ví dụ: UBND huyện Tiên Du, <https://tiendu.bacninh.gov.vn/news/-/details/22328/thong-bao-ve-viec-cong-khai-ke-hoach-su-dung-at-nam-2023-huyen-tien-du-44778258>, truy cập ngày 29/10/2023; UBND huyện Khoái Châu, <https://khoachau.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-4-24/Cong-bo-cong-khai-Ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-huynddc8.aspx>, truy cập ngày 30/10/2023

31 Ví dụ: UBND huyện Thăng Bình, https://thangbinh.quangnam.gov.vn/webcenter/portal/thangbinh/pages_van-ban/chi-tiet?dDocName=PORTAL524133, truy cập ngày 20/10/2023; UBND thành phố Tam Điệp, <https://tamdiep.ninhbinh.gov.vn/van-ban/van-ban-chi-dao-dieu-hanh/ve-viec-cong-bo-cong-khai-ke-hoach-su-dung-dat-nam-2023-thanh-pho-tam-diep-677.html>, truy cập ngày 23/10/2023

Công khai thông tin bảng giá đất cấp tỉnh

UBND 18 tỉnh, thành phố gồm Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Dương, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Hải Phòng đã công khai bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trong suốt ba vòng đánh giá. Đồng thời, UBND các tỉnh và thành phố này cũng đã xây dựng chuyên mục thông tin đất đai/tra cứu giá đất/bảng giá đất riêng giúp cho việc tìm kiếm bảng giá đất nhanh chóng và thuận lợi.

Bên cạnh đó, UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Vĩnh Long là hai cơ quan đã xây dựng ứng dụng tra cứu giá đất trên cổng TTĐT, đồng thời có đính kèm các quyết định phê duyệt nhằm đảm bảo tính pháp lý và độ tin cậy cao nhất đối với thông tin được công khai.

Công khai thông tin quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Có sáu tỉnh gồm Bình Thuận, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đồng Nai, Hà Nam và Kon Tum với 100% UBND cấp huyện đã công khai QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021-2030 trên các trang TTĐT của mình.

Bên cạnh đó, UBND 36 huyện, thị xã thuộc 26 tỉnh trên toàn quốc đã đáp ứng tất cả các tiêu chí công khai thông tin QHSDĐ cấp huyện thời kỳ 2021-2030 trên trang TTĐT, bao gồm đăng tải công khai QHSDĐ cấp huyện đúng thời hạn, đăng tải trong các chuyên mục liên quan trực tiếp tới đất đai/thông tin quy hoạch kế hoạch (tìm thấy văn bản tại bước 1), đăng tải công bố công khai đủ ba loại văn bản bắt buộc và tất cả các tài liệu công khai đều rõ ràng, xem được trực tuyến (không phải tải tài liệu về thiết bị). Các huyện, thị này bao gồm huyện Quảng Hòa (tỉnh Cao Bằng); thành phố Lai Châu (tỉnh Lai Châu); huyện Mai Sơn (tỉnh Sơn La); huyện Hiệp Hòa (tỉnh Bắc Giang); các huyện Tam Dương và Sông Lô (tỉnh Vĩnh Phúc); các huyện Ân Thi và Phù Cừ (tỉnh Hưng Yên); huyện Quảng Xương (tỉnh Thanh Hóa); huyện Kỳ Anh (tỉnh Hà Tĩnh); thị xã Hương Trà (tỉnh Thừa Thiên Huế); thị xã Hoài Nhơn (tỉnh Bình Định); huyện Cam Lâm (tỉnh Khánh Hòa); huyện Ninh Phước (tỉnh Ninh Thuận); thành phố Phan Thiết và các huyện Tánh Linh, Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận); huyện Đắk Glei (tỉnh Kon Tum); huyện Chư Sê (tỉnh Gia Lai); thị xã Buôn Hồ (tỉnh Đắk Lắk); huyện Cư Jút (tỉnh Đắk Nông); huyện Tân Châu (tỉnh Tây Ninh); huyện Long Điền (tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu); huyện Tân Thạnh (tỉnh Long An); thành phố Mỹ Tho và huyện Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang); các huyện Tiểu Cần, Châu Thành và Cầu Ngang (tỉnh Trà Vinh); các huyện Châu Thành và U Minh Thượng (tỉnh Kiên Giang); thành phố Vị Thanh và các huyện Châu Thành A, Vị Thủy (tỉnh Hậu Giang); huyện Cù Lao Dung (tỉnh Sóc Trăng); và huyện Phước Long (tỉnh Bạc Liêu).

Trong đó UBND huyện Ninh Phước (tỉnh Ninh Thuận), UBND huyện Chư Sê (tỉnh Gia Lai) và UBND huyện Vị Thủy (tỉnh Hậu Giang) là các cơ quan đã đăng tải BCTM và bản đồ có đầy đủ dấu và chữ ký xác nhận.

Công khai kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

Bảy tỉnh gồm Đồng Tháp, Trà Vinh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Ninh Thuận và Phú Yên là những tỉnh có 100% UBND cấp huyện đã công khai KHSĐĐ năm 2023 trên cổng/trang TTĐT của mình.

UBND các huyện, thị gồm thành phố Hà Giang (tỉnh Hà Giang); các huyện Vân Hồ, Thủ Thừa và thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang); các huyện Cái Bè, Cai Lậy và Châu Thành (tỉnh Tiền Giang); các huyện Càng Long và Trà Cú (tỉnh Trà Vinh); các thành phố Vị Thanh, Ngã Bảy và các huyện Phụng Hiệp, Châu Thành A (tỉnh Hậu Giang) là các huyện đã đáp ứng tất cả các tiêu chí đánh giá, bao gồm ban hành và đăng tải công khai KHSĐĐ năm 2023 trên trang TTĐT đúng thời hạn, đăng tải trong các chuyên mục liên quan trực tiếp tới đất đai/thông tin quy hoạch, kế hoạch nên có thể tìm thấy văn bản tại bước 1, đăng tải đủ ba loại văn bản bắt buộc. Các tài liệu nhìn chung đều rõ ràng và có thể sử dụng.

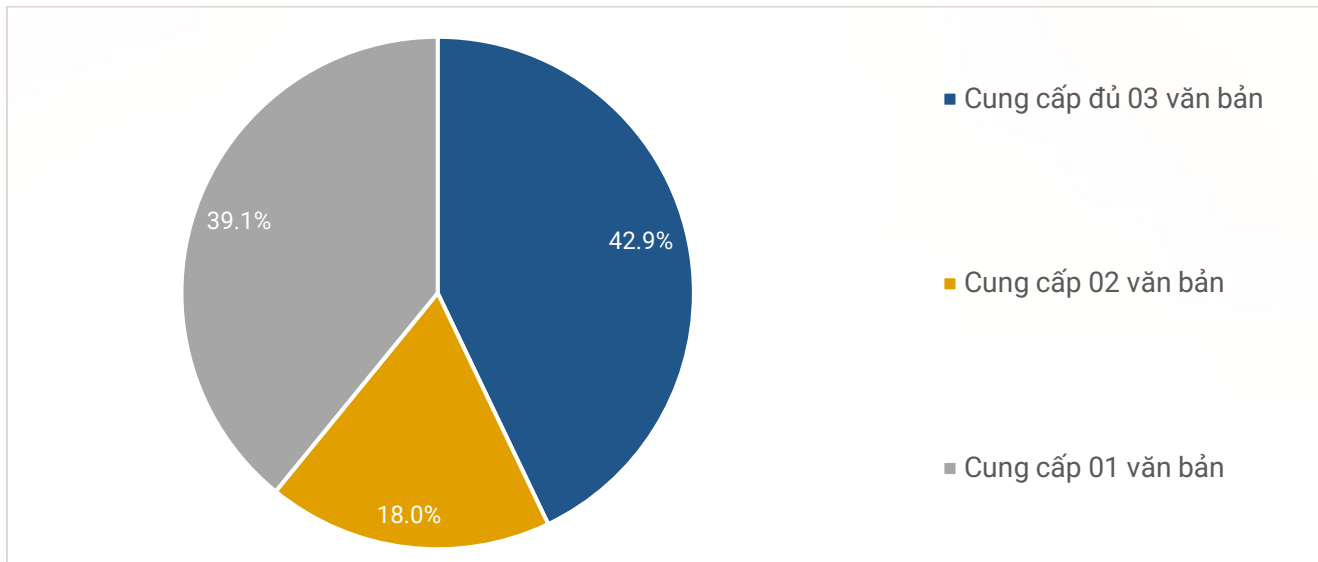
Đặc biệt trong số các cơ quan trên, UBND huyện Trà Cú (tỉnh Trà Vinh) và UBND huyện Châu Thành A (tỉnh Hậu Giang) là hai cơ quan đăng tải tập trung các tài liệu trong một bài đăng công khai. Tất cả các tài liệu này đều có thể xem trực tuyến và BCTM cũng như bản đồ đều có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền.

Thử nghiệm gửi thư yêu cầu cung cấp thông tin

Nhìn chung, việc cung cấp thông tin KHSDĐ hàng năm do các văn phòng HĐND-UBND cấp huyện thực hiện đối với YCCCTT của người dân theo quy định của Luật TCTT và Luật Đất đai đã có cải thiện sau ba vòng đánh giá. Thứ nhất, tỷ lệ phản hồi cung cấp có xu hướng tăng, trong khi tỷ lệ từ chối có xu hướng giảm. Ở vòng đánh giá thứ ba, tỷ lệ các cơ quan cung cấp thông tin đã tăng 6,2% so với vòng đánh giá đầu tiên. Trong khi đó, tỷ lệ từ chối cung cấp thông tin cũng có xu hướng giảm từ 2,7% ở vòng đầu tiên xuống còn 1,1% ở cả vòng thứ hai và vòng thứ ba. Thứ hai, dù từ chối cung cấp thông tin thì các cơ quan nhà nước đã sử dụng các mẫu biểu được quy định để thực hiện việc này. Theo đó, trong 6 UBND cấp huyện từ chối cung cấp thông tin, có 3 cơ quan đã sử dụng các mẫu phiếu quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP trong quá trình xử lý YCCCTT của người dân. Điều này cho thấy, đã có sự thay đổi về tư duy và cách tiếp cận của các công chức phụ trách cung cấp thông tin so với hai vòng đánh giá trước. Tuy vậy, tỷ lệ YCCCTT không nhận được phản hồi vẫn còn ở mức cao cho thấy vẫn cần rất nhiều nỗ lực để thúc đẩy khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

Tính đến hết ngày 31/12/2023, có 133 trong số 561 văn phòng HĐND-UBND cấp huyện đã cung cấp thông tin (23,7%), 6/561 cơ quan từ chối (1,1%), 30/561 cơ quan có phản hồi khác nhưng không cung cấp thông tin (5,3%), 381/561 cơ quan không phản hồi (67,9%) và 11/561 thư yêu cầu bị trả lại (2%).

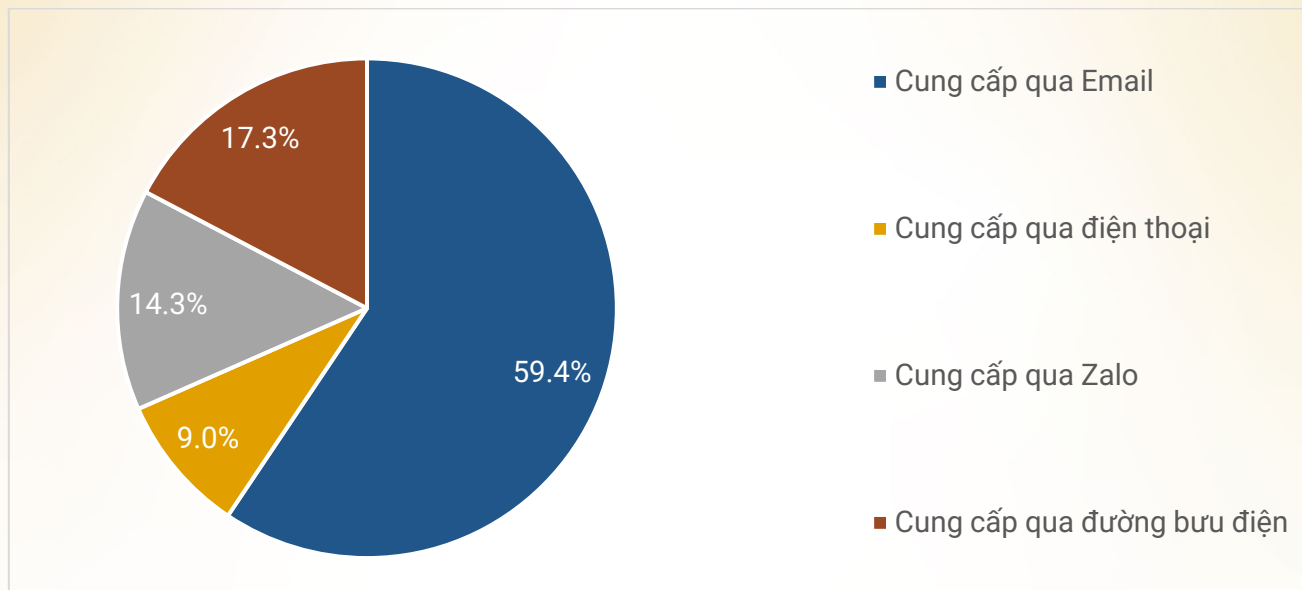
Hình 6 cho thấy, trong số 133 cơ quan đã cung cấp thông tin theo yêu cầu của các thành viên Nhóm nghiên cứu, có 57 cơ quan cung cấp đầy đủ cả ba văn bản bắt buộc phải công khai trong hồ sơ công khai (42,9%), 24 cơ quan cung cấp 2 trong số 3 văn bản (18%) và 52 cơ quan chỉ cung cấp duy nhất 1 trong 3 văn bản (39,1%).



Hình 6: Mức độ đầy đủ của các văn bản nhận được trong hồ sơ cung cấp

Hình 7 cho thấy các hình thức cung cấp thông tin mà 133 cơ quan kể trên đã áp dụng. Theo đó, có 79 cơ quan cung cấp qua thư điện tử (59,4%), 12 cơ quan cung cấp bằng hình thức trao đổi qua điện thoại (9%),³² 19 cơ quan cung cấp qua Zalo (14,3%) và 23 cơ quan gửi tài liệu qua đường bưu điện (17,3%) nhưng không tính phí đối với người YCCCTT.

³² Công chức phụ trách trao đổi qua điện thoại và hướng dẫn cụ thể cách tìm thông tin KHSDĐ năm 2023 trên cổng/trang TTĐT của UBND cấp huyện hoặc cổng/trang TTĐT Sở tài nguyên và Môi trường.



Hình 7: Tỷ lệ các hình thức cung cấp thông tin KHSDD năm 2023

Đối với 6/561 cơ quan từ chối cung cấp thông tin, có 4 cơ quan từ chối với lý do đã công khai theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 28 Luật TCTT.³³ Trong đó, có ba cơ quan³⁴ sử dụng Mẫu thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin³⁵ và một cơ quan trả lời qua công văn phản hồi.³⁶ Đặc biệt, mặc dù cả bốn cơ quan này đều thông báo từ chối cung cấp thông tin nhưng có đính kèm đường link dẫn đến bài đăng công khai thông tin KHSDD cấp huyện năm 2023 giúp người yêu cầu có thể trực tiếp truy cập và khai thác thông tin.³⁷ Chỉ một cơ quan phản hồi qua điện thoại với lý do không rõ yêu cầu cung cấp thông tin và yêu cầu có văn bản làm việc chính thức của cơ quan nhà nước mới trả lời. Một cơ quan từ chối cung cấp thông tin bằng công văn phản hồi với lý do: 1) phiếu yêu cầu chưa đúng mẫu 01/PYC theo Thông tư 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; 2) Nội dung yêu cầu cung cấp không phù hợp và không được cung cấp, dựa trên Điều 13 Thông tư 34/2014/BTNMT quy định cơ quan Nhà nước sẽ không cung cấp dữ liệu về đất đai nếu thuộc một trong những trường hợp sau: Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định.

30/561 cơ quan có phản hồi khác với những nội dung gồm: 1) thông báo đã giao hoặc chuyển YCCCTT tới phòng/ban khác để xử lý, tuy nhiên tính đến hết ngày 31/12/2023 Nhóm nghiên cứu không nhận được phản hồi bổ sung; 2) xác nhận sẽ cung cấp thông tin theo hình thức yêu cầu của người yêu cầu nhưng Nhóm nghiên cứu không nhận được thông tin theo yêu cầu tính tới ngày 31/12/2023; 3) yêu cầu người yêu cầu cung cấp thông tin làm rõ nơi cư trú, mục đích sử dụng thông tin nhưng sau đó không có thêm phản hồi; 4) thông báo thông tin yêu cầu đã được công khai trên cổng TTĐT mà không có hướng dẫn thêm và Nhóm nghiên cứu không thể tìm thấy hồ sơ công khai KHSDD năm 2023 trên các cổng TTĐT này theo như thông báo; 5) mời công dân đến Văn phòng HĐND-UBND để dự buổi tiếp xúc công

³³ Điểm b, Khoản 1, Điều 28 Luật TCTT năm 2016 quy định từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong trường hợp “Thông tin được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, trừ trường hợp khoản 1 Điều 23 của Luật này”

³⁴ Huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), huyện Văn Hồ (tỉnh Sơn La), thành phố Cà Mau (tỉnh Cà Mau)

³⁵ Mẫu số 05 đính kèm Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

³⁶ Huyện Hoài Đức (thành phố Hà Nội)

³⁷ Thành phố Cà Mau (tỉnh Cà Mau), huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), huyện Văn Hồ (tỉnh Sơn La), huyện Hoài Đức (thành phố Hà Nội)

dân; 6) đề nghị công dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15, Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bên cạnh đó, vòng đánh giá năm 2023 ghi nhận 11 thư YCCCTT bị bưu cục trả lại cho người gửi với lý do nhân viên bảo vệ của 11 UBND từ chối nhận thư do không có tên người nhận.³⁸ Trong khi đó, các nghiên cứu viên đều đề tên người nhận là Văn phòng HĐND-UBND huyện căn cứ theo Điểm g, Khoản 2 Điều 9 Luật TCTT.³⁹

Về trích dẫn pháp luật trong YCCCTT, tỷ lệ cơ quan cung cấp thông tin đối với những yêu cầu có trích dẫn Luật TCTT so với Luật Đất đai gần như tương đương nhau, lần lượt là 65 và 68 cơ quan. Tương tự, tỷ lệ cơ quan từ chối, không phản hồi hay có phản hồi nhưng không cung cấp thông tin đối với những yêu cầu có trích dẫn Luật TCTT và Luật Đất đai cũng gần như tương đương, lần lượt là 3, 190 và 16 đối với những yêu cầu trích dẫn Luật TCTT so với 3, 191 và 14 đối với những yêu cầu trích dẫn Luật Đất đai. So sánh kết quả của đánh giá vòng thứ hai và vòng thứ ba cho thấy đã có sự thay đổi. Ở vòng đánh giá thứ hai, tỷ lệ cơ quan cung cấp thông tin hay từ chối cung cấp thông tin hoặc có phản hồi nhưng không cung cấp thông tin đối với yêu cầu có trích dẫn Luật Đất đai cao hơn so với những yêu cầu trích dẫn Luật TCTT. Điều này cho thấy, công chức được giao phụ trách mảng tiếp nhận các yêu cầu của công dân thuộc UBND cấp huyện đã hiểu rõ hơn tinh thần của Luật TCTT.

Về vai trò của người gửi YCCCTT, kết quả đánh giá vòng ba cho thấy, trong bốn người gửi thư (mỗi người gửi YCCCTT tới 140-141 UBND cấp huyện), nhà nghiên cứu là người nhận được nhiều phản hồi cung cấp thông tin nhất, với tỷ lệ là 30%. Số còn lại gồm người dân, luật sư và nhà kinh doanh bất động sản có tỷ lệ nhận phản hồi cung cấp thông tin gần như tương đương nhau, lần lượt là 22,1%, 21,4% và 21,3%. Trong khi đó, tỷ lệ thư YCCCTT không nhận được phản hồi cao nhất đối với vai trò luật sư (71,4%), nhà kinh doanh bất động sản (70,2%) và ngang nhau với cả người dân và nhà nghiên cứu (cùng ở mức 65%). Cả bốn người đều nhận được phản hồi từ chối cung cấp thông tin, cụ thể nhà nghiên cứu và người dân đều nhận được 1,4% phản hồi từ chối, luật sư và nhà kinh doanh bất động sản đều nhận được 0,7% phản hồi từ chối.

Về việc tuân thủ thủ tục cung cấp thông tin theo Luật TCTT, đánh giá vòng thứ ba nhận được hai phiếu tiếp nhận YCCCTT,⁴⁰ tám phiếu giải quyết YCCCTT,⁴¹ ba thông báo từ chối cung cấp thông tin⁴² và 71 công văn trả lời. Trong đó, huyện Tân Lạc (tỉnh Hòa Bình) và huyện Thạch An (tỉnh Cao Bằng) là hai cơ quan xử lý phiếu YCCCTT theo đúng quy định Luật TCTT khi gửi phiếu tiếp nhận YCCCTT và phiếu giải quyết YCCCTT cho người yêu cầu sau đó cung cấp thông tin được yêu cầu qua thư điện tử.

Cơ quan nhà nước giao tiếp với công dân qua hòm thư điện tử. Kết quả đánh giá vòng ba chỉ ra rằng trong số 81 cơ quan đã phản hồi qua thư điện tử, chỉ có 26 cơ quan sử dụng địa chỉ hòm thư công vụ (32,1%) và có tới 55 cơ quan sử dụng hòm thư điện tử Gmail của cá nhân người gửi (chiếm 67,9%).

Công dân giao tiếp với cơ quan nhà nước qua hòm thư điện tử. Với mong muốn hỗ trợ cải thiện thực trạng công khai thông tin đất đai, ngày 31/10/2023 Nhóm nghiên cứu đã gửi kết quả đánh giá vòng thứ hai qua thư điện tử tới 705 UBND cấp huyện có cổng TTĐT được rà soát. Trong số này, Nhóm nghiên cứu chỉ tìm thấy hòm thư điện tử trên cổng TTĐT của 685 huyện. Để đảm bảo việc gửi thư hiệu quả, Nhóm

38 Thành phố Chí Linh (tỉnh Hải Dương), thành phố Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng), huyện Mang Thít (tỉnh Vĩnh Long), huyện Nam Trực (tỉnh Nam Định), thành phố Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh), huyện Mộc Hóa (tỉnh Long An), thị xã Ba Đồn (tỉnh Quảng Bình), huyện Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa), huyện Bến Lức (tỉnh Long An), thị xã Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng)

39 Điểm g, Khoản 2 Điều 9 Luật TCTT 2016: “Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra và thông tin do mình tạo ra”

40 Mẫu số 02 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

41 Mẫu số 03 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

42 Mẫu số 05 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

nghiên cứu chạy thuật toán nhằm kiểm tra khả năng hoạt động của các địa chỉ thư điện tử này. Trong đó, hệ thống báo có 292 địa chỉ thư (chiếm 42,6% với n=685), gồm 285 địa chỉ thư công vụ và 7 địa chỉ thư cá nhân (Gmail), không có khả năng nhận thư. Vì vậy, Nhóm nghiên cứu chỉ có thể gửi kết quả đánh giá tới địa chỉ thư điện tử của 393 trong số 705 UBND huyện trên toàn quốc với số thư gửi thành công là 332 (chiếm 48,5% với n = 685). Hệ thống tiếp tục gửi phản hồi lỗi không thể gửi với 61 địa chỉ hòm thư điện tử công vụ (chiếm 8,9% với n = 685). Trong số đó, có 18 thư không tìm thấy địa chỉ người nhận, 31 thư bị chặn⁴³ và 12 thư không tới được người nhận⁴⁴.

Kết quả trên cho thấy, tình trạng hòm thư điện tử công vụ hoạt động không hiệu quả có thể là nguyên nhân dẫn đến việc tỷ lệ công chức sử dụng địa chỉ hòm thư điện tử cá nhân (Gmail) để phản hồi YCCCCTT cao trong số những phản hồi bằng thư điện tử. Điều này cũng chứng minh rằng, vẫn còn nhiều hạn chế trong việc giao tiếp với cơ quan nhà nước qua hình thức thư điện tử. Dung lượng của các hòm thư công vụ hạn chế cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến công chức sử dụng hòm thư cá nhân để giao tiếp với công dân. Tuy nhiên, thực hành này đặt ra câu hỏi về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân.

Thực hành tốt trong hoạt động cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân

UBND các huyện Tân Lạc (tỉnh Hòa Bình) và Thạch An (tỉnh Cao Bằng) được đánh giá đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục cung cấp thông tin theo quy định Luật TCTT khi gửi Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Nghị định 13/2018/NĐ-CP trong vòng 03 ngày kể từ ngày Nhóm nghiên cứu gửi thư yêu cầu cung cấp thông tin.

Mặc dù UBND thành phố Cà Mau (tỉnh Cà Mau) và các huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), Văn Hồ (tỉnh Sơn La) viện dẫn Điểm b, Khoản 1, Điều 28 Luật TCTT để gửi thông báo từ chối cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Nghị định 13/2018/NĐ-CP nhưng vẫn đính kèm đường link công khai hồ sơ KHSDD năm 2023 của huyện trên các trang TTĐT của mình.

43 Các lý do hệ thống báo thư bị chặn gồm: Thư bị từ chối vì vi phạm chính sách của tổ chức; Từ chối kết nối; Từ chối nội dung bị cấm.

44 Trong đó có 1 hòm thư báo không gửi được do hòm thư của người nhận đã bị đầy, không thể nhận thêm thư.

Hàm ý chính sách

Xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật và chính sách

- Bổ sung thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân vào bộ thủ tục hành chính hiện hành của tất cả các ngành và lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) và có văn bản hướng dẫn cụ thể.
- Xây dựng cơ chế đánh giá việc công khai thông tin và chế tài xử lý vi phạm trong trường hợp UBND các cấp có thẩm quyền không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm công khai thông tin, trong đó có thông tin đất đai.
- Xây dựng hướng dẫn cụ thể để tránh lạm dụng Điều 13 Thông tư 34/2014/TT-BTNMT nhằm từ chối cung cấp thông tin. Điều 13 Thông tư này quy định những trường hợp không cung cấp dữ liệu⁴⁵, trong đó có trường hợp “mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, thông tin đất đai rất đa dạng, việc đặt ra yêu cầu về mục đích sử dụng có thể phù hợp trong các trường hợp thông tin tiếp cận có điều kiện. Vì vậy, mục đích sử dụng không nên là căn cứ để từ chối yêu cầu cung cấp thông tin đối với những thông tin bắt buộc phải công bố công khai như bảng giá đất, QHSDĐ và KHSDD.
- Quy định cơ quan nhà nước bắt buộc phải cung cấp theo yêu cầu của công dân đối với những thông tin mà mình có trách nhiệm công khai.
- Có quy định xây dựng giao diện, chuyên mục và cách thức công khai thông tin trên cổng TTĐT của các cơ quan nhà nước một cách thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc. Xem xét xây dựng đồng bộ cổng TTĐT của UBND các cấp.

Thực thi hiệu quả hơn chính sách, pháp luật hiện hành

- Tiếp tục phổ biến và tập huấn về Luật TCTT, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP tới các cán bộ, công chức thuộc khối cơ quan nhà nước và người dân, đặc biệt các quy định liên quan đến quy trình, thủ tục thực hiện công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân.
- Các địa phương cần xây dựng Chuyên mục Tiếp cận thông tin và hệ thống hóa các thông tin công khai trong chuyên mục này theo quy định tại Điều 19 Luật TCTT để người dân có thể sử dụng từ mọi nơi, mọi lúc; xây dựng và công khai quy chế tiếp cận thông tin, bố trí và công khai thông tin đầu mỗi cung cấp thông tin.
- Xây dựng cổng/trang TTĐT theo chuẩn đảm bảo hiệu quả về mặt tìm kiếm và tiếp cận thông tin, lấy người dùng làm trung tâm. *Thứ nhất*, cần thiết có các biện pháp kỹ thuật đảm bảo các thông tin đã công khai này có thể tồn tại lâu dài, ít nhất trong suốt thời gian công khai theo quy định. *Thứ hai*, cần thiết đảm bảo thanh tìm kiếm hoạt động hiệu quả trong việc tìm kiếm thông tin trên các cổng TTĐT để người truy cập không bị bỏ lỡ các thông tin công khai trong một thời gian dài. *Thứ ba*, đảm bảo tên miền của các cổng TTĐT thống nhất theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP, đồng thời các cổng TTĐT cấp tỉnh phải có liên kết tới các trang TTĐT thành phần và trang TTĐT của UBND cấp huyện, xã. /.

45 Điều 13 Thông tư 34/2014/TT-BTNMT quy định những trường hợp không cung cấp dữ liệu: “1) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; 2) Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu; 3) Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật; 4) Không thực hiện nghĩa vụ tài chính.”